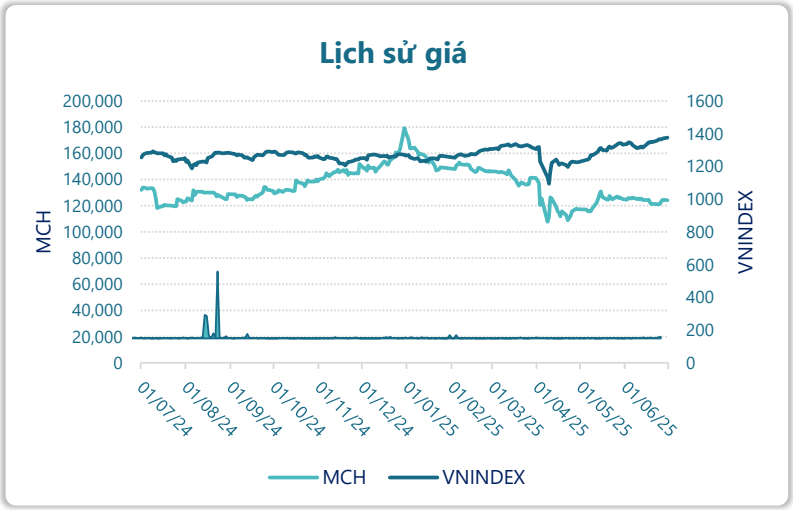
FireAnt

CTCP Hàng tiêu dùng MASAN (UPCOM: MCH)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**126,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	179,254
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	107,752
SL cổ phiếu LH	1,051,449,434
KLGD BQ 20 phiên (CP)	116,555
% sở hữu nước ngoài	15.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	133,219
P/E	18.2
EPS	6,955

DT thuần

Q2/25

6,276

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1,213| -16.2%

YoY: ▼1,112| -15.1%

LN sau thuế

Q2/25

1,347

tỷ VNĐ

QoQ: ▼267| -16.5%

YoY: ▼442| -24.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

26.5%

+/- YoY: ▼ 1.9%

DT thuần

6T 2025

13,764

tỷ VNĐ

YoY: ▼204| -1.5%

LN sau thuế

6T 2025

2,961

tỷ VNĐ

YoY: ▼497| -14.4%

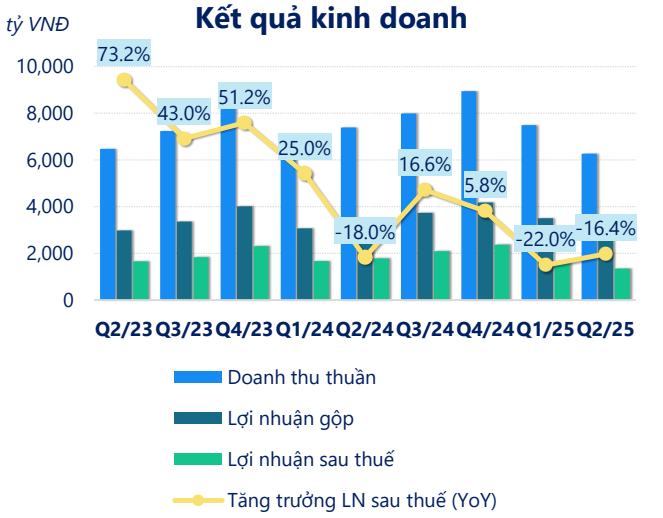
ROE

Q2/25

30.8%

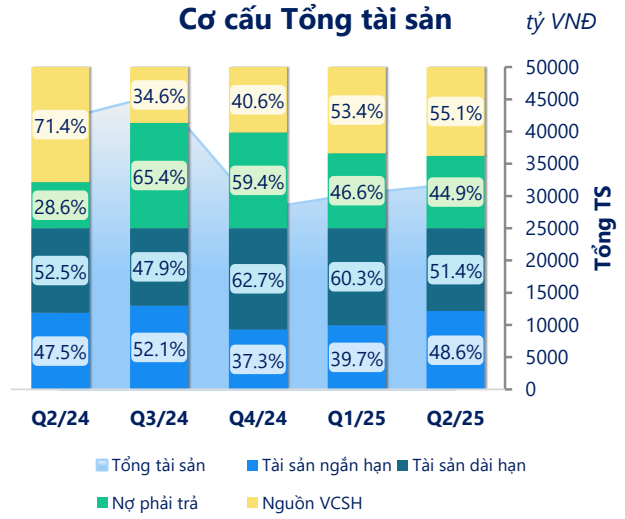
+/- YoY: ▲ 3.8%

Kết quả kinh doanh



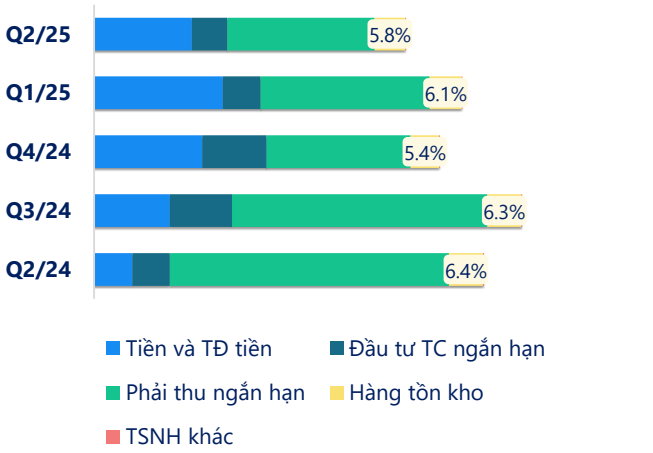
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



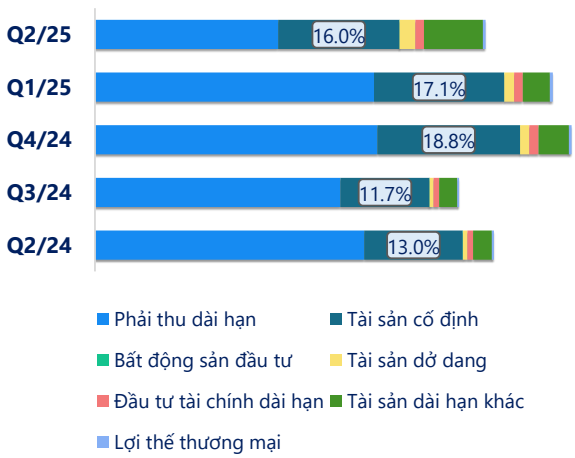
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



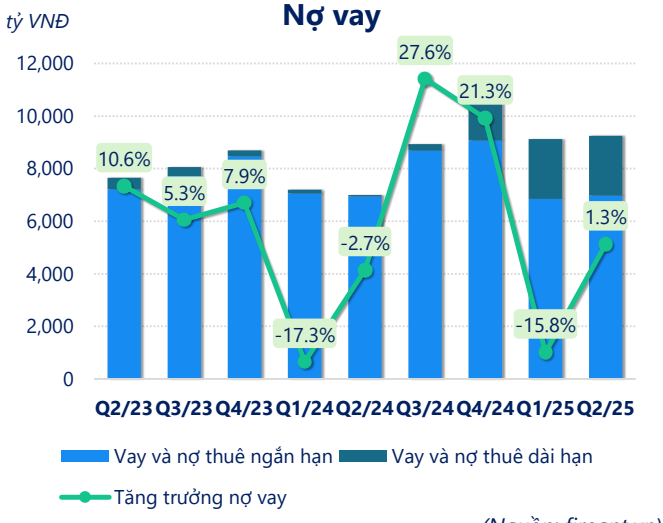
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



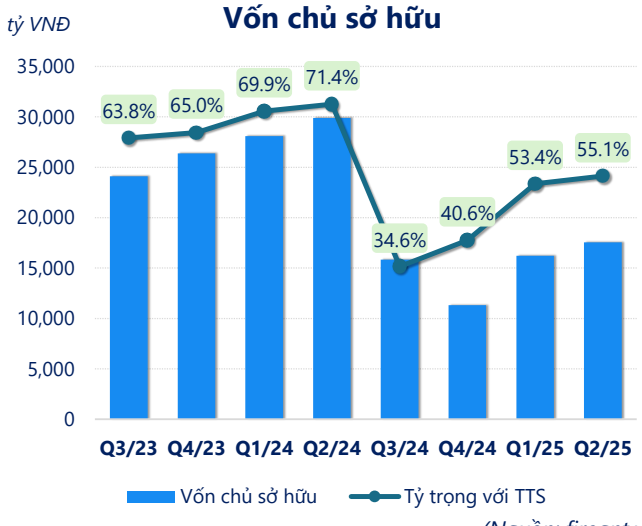
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



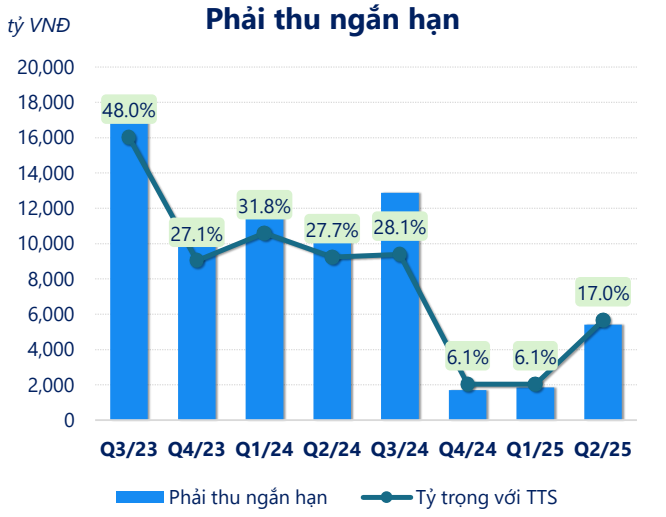
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



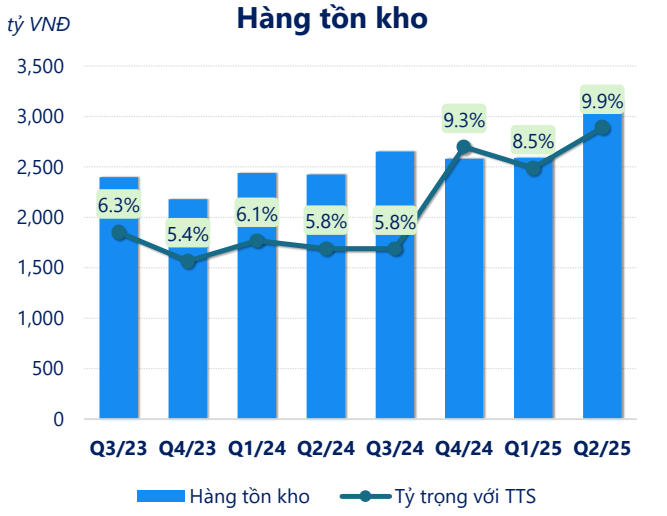
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



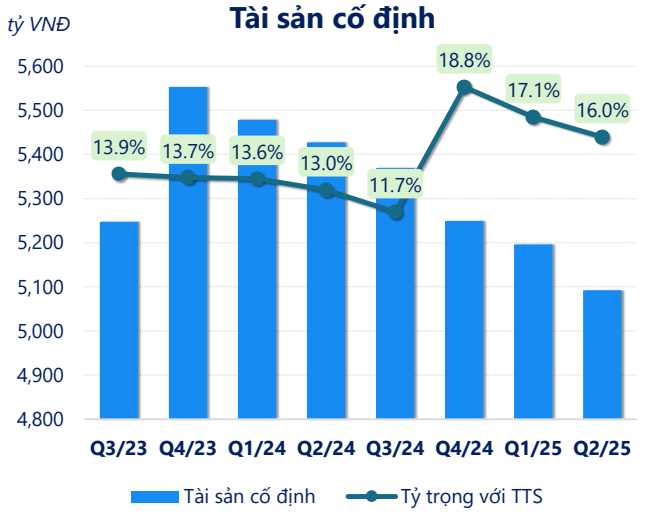
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



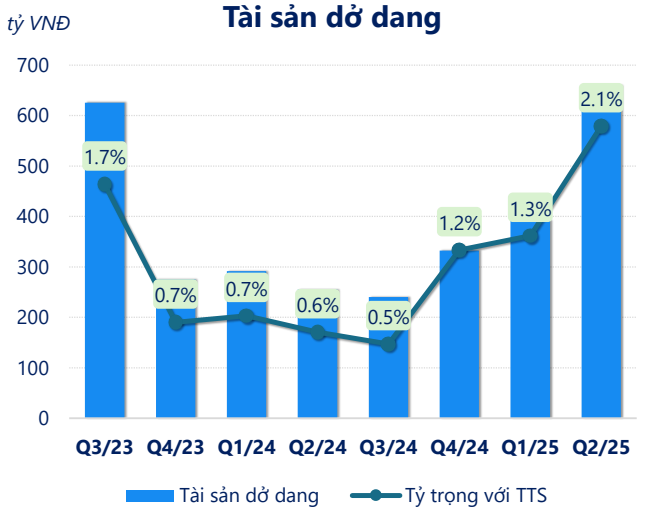
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



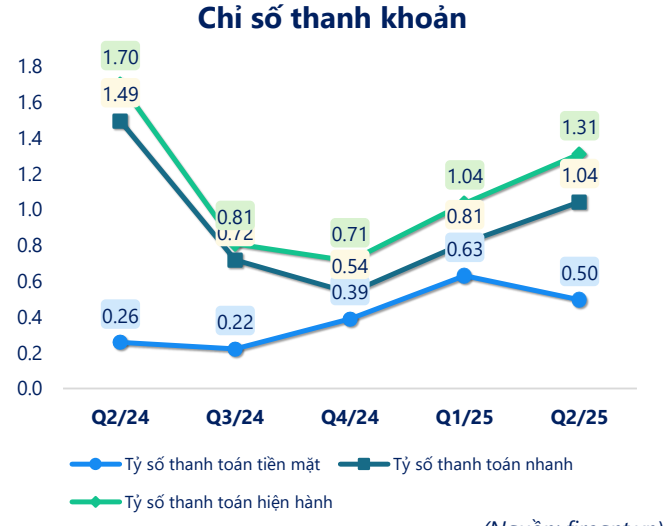
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



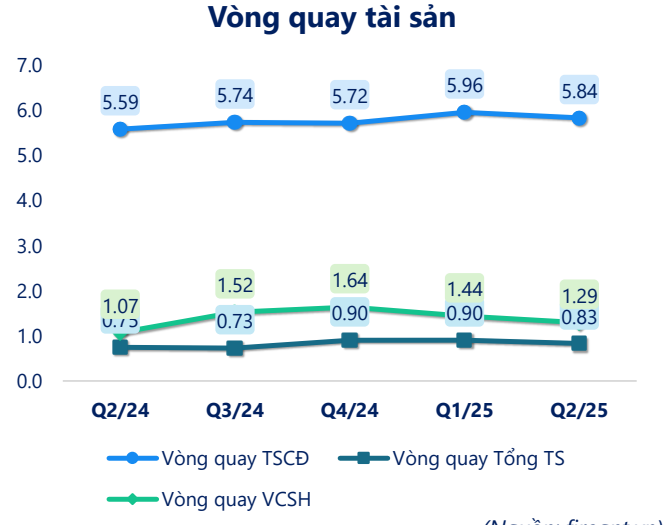
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**41,824**	**45,751**	**27,900**	**30,351**	**31,854**
Tài sản ngắn hạn	**19,865**	**23,815**	**10,394**	**12,062**	**15,474**
Tiền và tương đương tiền	3,003	6,517	5,677	7,346	5,855
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,777	1,713	365	194	827
Phải thu ngắn hạn	11,594	12,876	1,705	1,857	5,411
Hàng tồn kho	2,425	2,652	2,582	2,590	3,155
Tài sản ngắn hạn khác	65.8	58.1	64.3	74.7	227
Tài sản dài hạn	**21,959**	**21,936**	**17,506**	**18,289**	**16,380**
Phải thu dài hạn	14,821	14,782	10,363	11,154	7,677
Tài sản cố định	5,427	5,369	5,249	5,196	5,092
Bất động sản đầu tư	4.94	4.55	4.17	3.79	3.41
Tài sản dở dang	255	240	332	392	659
Đầu tư tài chính dài hạn	311	329	347	347	372
Tài sản dài hạn khác	1,025	1,102	1,108	1,084	2,471
Lợi thế thương mại	114	108	103	112	106
Nợ phải trả	**11,942**	**29,906**	**16,572**	**14,141**	**14,295**
Nợ ngắn hạn	**11,670**	**29,448**	**14,600**	**11,653**	**11,813**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6,941	8,682	9,067	6,848	6,971
Phải trả người bán ngắn hạn	1,800	1,898	2,315	1,970	1,860
Nợ dài hạn	272	459	1,972	2,488	2,483
Vay và nợ thuê dài hạn	57.7	247	1,764	2,273	2,273
Nguồn vốn chủ sở hữu	**29,882**	**15,845**	**11,328**	**16,210**	**17,559**
Vốn chủ sở hữu	**29,882**	**15,845**	**11,328**	**16,210**	**17,559**
Vốn điều lệ	7,284	7,356	7,356	10,624	10,624
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)